

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BLUE CHOICE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BLUE CHOICE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLUE CHOICE SERVICES TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BLUE CHOICE .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110263587

3. Ngày thành lập: 24/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, đường Trần Tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936061359

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
2.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
3.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
4.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
5.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
6.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
7.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
8.	Hoạt động thể thao khác Trừ hoạt động nhà nước cấm	9319
9.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
10.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
11.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
12.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
13.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
14.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
15.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
16.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
17.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

18.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) trừ hoạt động thể thao	9610
19.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
20.	Lập trình máy vi tính	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
24.	Cổng thông tin Không bao gồm hoạt động báo chí	6312
25.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Loại trừ hoạt động báo chí	6399
26.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Trừ loại Nhà nước cấm	0899
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
28.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
29.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
30.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
31.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) trừ vận tải bằng xe buýt	4931
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Vận tải đường ống	4940
37.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
38.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Vận tải hành khách hàng không	5110
42.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
47.	Bốc xếp hàng hóa Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	5224

48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
50.	Xuất bản phần mềm Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm	5820
51.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
52.	Hoạt động hậu kỳ	5912
53.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ Hoạt động phát hành chương trình truyền hình	5913
54.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
55.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
56.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
57.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
61.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8110
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
64.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
65.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
66.	Sản xuất điện	3511
67.	Truyền tải và phân phối điện	3512
68.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
69.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
70.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
71.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
72.	Thu gom rác thải không độc hại Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính	3811
73.	Thu gom rác thải độc hại Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính	3812
74.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chỉ được xử lý và tiêu huỷ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường	3821

75.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường	3822
76.	Tái chế phế liệu Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường	3830
77.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính	3900

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH HOÀNG	Số 8/54 Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	999.800	4.999.000.000	99,980	141956135	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	999.800	4.999.000.000	99,980		

2	NGUYỄN VĂN HẬU	Thôn Hưng Tiến, Xã Phú Lương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100	500.000	0,010	008096006762
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100	500.000	0,010	
3	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	Thôn Yên Trường1, Xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100	500.000	0,010	001301022306
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100	500.000	0,010	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH HOÀNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/12/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *141956135*

Ngày cấp: *03/05/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Địa chỉ thường trú: *Số 8/54 Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 8/54 Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội